

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ - ST
Ngày 28- 4 - 2025
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tuấn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Thanh Tâm
- Ông Hoàng Văn Khâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:**
Ông Lưu Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. “Có mặt”

- Bị đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 13, X, Trại Giam Y, thuộc tổng cục H, Bộ C1.

Địa chỉ trại giam: Xã H, huyện P, tỉnh Sơn La. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn C kết hôn với nhau vào ngày 16 tháng 02 năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, chị và anh C sống chung cùng với gia đình anh C tại thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc và vợ chồng đã có với nhau một người con chung. Tuy nhiên, sau khi có con chung đến khoảng năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Về kinh tế trong gia đình vợ chồng không có sự chia sẻ, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị và anh C đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, năm 2024 anh C vi phạm pháp luật và hiện nay đang đi chấp hành án phạt tù tại trại giam. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Vũ Huyền T1, sinh ngày 11/8/2008. Hiện nay cháu T1 đang ở với chị, ly hôn chị xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm dịch vụ cho thuê nhà trọ và kinh doanh bất động sản thu nhập hàng tháng khoảng trên 8.000.000 đồng đủ điều kiện nuôi cháu T1.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 01 năm 2025 anh trình bày: Quá trình chung sống anh và chị T có thời gian mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng về kinh tế. Do đó, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân. Hai bên gia đình đã khuyên bảo để vợ chồng về đoàn tụ với nhau, cùng nhau nuôi dạy con chung, tuy nhiên chị T không về, tháng 9 năm 2024 anh vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử 09 tháng tù giam hiện nay anh đang đi chấp hành án phạt tù. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên anh cũng đồng ý và thống nhất ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Vũ Huyền T1, sinh ngày 11/8/2008. Hiện nay cháu T1 đang ở với chị T, ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, các vấn đề khác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tổng đạt thông báo thụ lý, ra quyết định xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, chị T thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, anh C do đang chấp hành án phạt tù nên không có mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa, tuy nhiên anh C có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58 điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Vũ Văn C.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Huyền T1, sinh ngày 11/8/2008. Hiện nay cháu T1 đang ở với chị T, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; anh C không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn C, do đó đây là vụ án ly hôn. Bị đơn anh Vũ Văn C hiện đang có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc. Ngày 28 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc mở phiên xét xử theo quy định, anh C vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn và xác minh tại địa phương thể hiện. Việc kết hôn

giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Văn C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn ban đầu là mâu thuẫn nhỏ, đến khoảng năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ năm 2019 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Sau khi ly thân hai bên không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh C hiện nay đang đi chấp hành án phạt tù nên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị T vẫn giữ quan điểm xin ly hôn với anh Vũ Văn C. Về phía anh C Tòa án đã tiến hành lấy lời khai thể hiện anh đồng ý ly hôn và đồng ý để chị T nuôi con chung, do anh hiện nay đang đi chấp hành án nên không thể đến tòa án tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị xét xử vắng mặt.

Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc các bên đồng thuận ly hôn là phù hợp với thực tế mâu thuẫn vợ chồng và các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng anh C, chị T có 01 con chung là cháu Vũ Huyền T1, sinh ngày 11/8/2008, hiện nay cháu đang sống cùng chị T. Ly hôn chị T và anh C đều thống nhất để chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu T1, cháu T1 cũng có nguyện vọng muốn ở với chị T, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, cần giao cháu T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc theo nguyện vọng của các bên là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Vũ Văn C.
2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Huyền T1, sinh ngày 11/8/2008. Hiện cháu đang ở cùng với chị T. Anh Vũ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0003578, ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Đồng Cương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Tuấn Mạnh